

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày 22-7-2025.

V/v: Ly hôn giữa chị Ngảy và anh
Liên.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Lò Văn Khết.

2 – Bà Quàng Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Sơn La tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Chí Công - Kiểm sát viên.

Ngày 22/7/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc: Tranh chấp ly hôn, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Quàng Thị N, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Bản T, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La nay là bản Ten, xã M, tỉnh Sơn La.
Có đề nghị xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lương Ngọc C, Luật sư. Thực hiện trợ giúp pháp lý – Trung tâm T2, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Tòng Văn L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Bản T, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La nay là bản Ten, xã M, tỉnh Sơn La.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2025 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Quàng Thị N trình bày:

Chị và anh Tòng Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 01/02/2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Í, huyện M, tỉnh Sơn La (nay là xã

M, tỉnh Sơn La). Cuộc sống chung không hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tùng Văn L sử dụng ma túy. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được. Từ năm 2024 hai người sống không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị Quảng Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh Tùng Văn L.

Về con chung: Có hai con là Tùng Văn Tin T, sinh ngày 22/01/2017 và Tùng Đức T1, sinh ngày 11/8/2019. Chị có nguyện nuôi con, nhưng do hiện không đủ điều kiện, nhất trí để anh Tùng Văn L nuôi hai con và tùy vào nguyện vọng của con. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tùng Văn L từ chối trình bày: Căn cứ vào ý kiến của cơ sở và các tài liệu có trong hồ sơ, xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Quảng Thị N và anh Tùng Văn L. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị Quảng Thị N. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được.

Về con chung: Có hai con là Tùng Văn Tin T, sinh ngày 22/01/2017 và Tùng Đức T1, sinh ngày 11/8/2019.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Quảng Thị N được ly hôn anh Tùng Văn L. Về con chung: Giao cho anh Tùng Văn L trực tiếp nuôi hai con Tùng Văn Tin T, sinh ngày 22/01/2017 và Tùng Đức T1, sinh ngày 11/8/2019 là đúng nguyện vọng của con muốn ở với bố. Chị Quảng Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng, nợ: Nguyên đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên đơn chị Quảng Thị N là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ để xử cho chị Quàng Thị N được ly hôn anh Tòng Văn L.

Con chung: Giao cho anh Tòng Văn L trực tiếp nuôi hai con Tòng Văn Tin T, sinh ngày 22/01/2017 và Tòng Đức T1, sinh ngày 11/8/2019 là đúng nguyện vọng của con muốn ở với bố. Chị Quàng Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con, cần chấp nhận.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Quàng Thị N là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Tòng Văn L sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã từ chối khai trình bày nguyện vọng, đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P, huyện M nay là xã M, tỉnh Sơn La và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh Tòng Văn L.

Chị Quàng Thị N là dân tộc thiểu số cư trú vùng KT-XH đặc biệt khó khăn thuộc diện trợ giúp có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là căn cứ.

Nguyên đơn chị Quàng Thị N có đơn đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã có ý kiến bảo vệ quyền lợi đương sự, theo quy định của điểm đ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Căn cứ theo quy định Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị N và anh Tòng Văn L có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do hai người bất đồng quan điểm sống. Hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị Quàng Thị N và anh Tòng Văn L đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Quàng Thị N yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân

và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị Quàng Thị N được ly hôn anh Tòng Văn L.

[3] Về con chung: Có hai con là Tòng Văn Tin T, sinh ngày 22/01/2017 và Tòng Đức T1, sinh ngày 11/8/2019. Căn cứ vào nguyện vọng của con Tòng Văn Tin T được ở với bố, đồng thời chị Quàng Thị N nhất trí để hai con cho anh Tòng Văn L nuôi dưỡng, do hiện chị không có đủ điều kiện. Chị Quàng Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con, cần chấp nhận, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Xử cho chị Quàng Thị N được ly hôn anh Tòng Văn L. Về con chung: Giao cho anh Tòng Văn L trực tiếp nuôi hai con Tòng Văn Tin T, sinh ngày 22/01/2017 và Tòng Đức T1, sinh ngày 11/8/2019 là đúng nguyện vọng của con muốn ở với bố. Chị Quàng Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng, nợ: Nguyên đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên đơn chị Quàng Thị N là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã có thông báo yêu cầu cung cấp ý kiến đối với bị đơn anh Tòng Văn L cho ý kiến về cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên anh Tòng Văn L không cho ý kiến. Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này anh Tòng Văn L có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con sẽ được xem xét thụ lý bằng vụ án khác, khi có đủ điều kiện.

[7] Về án phí: Chị Quàng Thị N là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b, đ khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Quàng Thị N được ly hôn anh Tòng Văn L.

2. Về con chung: Giao cho anh Tòng Văn L trực tiếp nuôi hai con Tòng Văn Tin T, sinh ngày 22/01/2017 và Tòng Đức T1, sinh ngày 11/8/2019. Chị Quàng Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Quàng Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Quàng Thị N, anh Tòng Văn L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND Khu vực 1 – Sơn La (2);
- Phòng THADS Khu vực 1 – Sơn La;
- UBND xã Mường La, tỉnh Sơn La (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(đã ký)

Nguyễn Minh Tuấn

